

# CẢI CÁCH TƯ PHÁP VÌ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI: TRƯỜNG HỢP HÀN QUỐC VÀ VIỆT NAM

TRƯỜNG THU TRANG (\*)

*Hoạt động tư pháp luôn có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với mọi nhà nước và mọi xã hội, và do đó các cơ quan tư pháp cũng như các hoạt động tư pháp cần luôn được hoàn thiện và đổi mới cho phù hợp với hoàn cảnh mới, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Trong bài viết này, tác giả xem xét một số vấn đề của cải cách tư pháp ở Việt Nam đặt trong tương quan so sánh với Hàn Quốc, bởi Hàn Quốc là quốc gia trong khu vực châu Á đã thực hiện khá thành công chiến lược cải cách tư pháp giai đoạn 2000 - 2005.*

Tư pháp là “khái niệm dùng để chỉ các cơ quan toà án, việc xét xử các hành vi vi phạm pháp luật và các vụ kiện tụng trong nhân dân, hoạt động của các cơ quan điều tra, kiểm sát, truy tố, xét xử và thi hành án” (1, tr.703). Do đó, hoạt động tư pháp hiểu theo nghĩa chung nhất là hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm duy trì và bảo vệ công lý và trật tự pháp luật, tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của công dân. Hoạt động này thường được chia thành: hoạt động điều tra, hoạt động truy tố, hoạt động xét xử và hoạt động thi hành án. Các hoạt động đó được thực hiện bởi các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát (hoặc viện công tố), cơ quan điều tra, cảnh sát và cơ quan thi hành án) và các tổ chức hỗ trợ tư pháp (tổ chức luật sư, cơ quan công chứng, cơ quan giám định

tư pháp, cơ quan tư vấn pháp luật...). Thông qua những phương thức đặc thù của mình, các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp phát hiện, đánh giá và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc giải quyết các tranh chấp pháp luật, trên cơ sở đó góp phần vào việc ổn định xã hội và phát triển kinh tế đất nước.

Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi mà xu thế toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, những ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực của xu hướng này đối với hệ thống pháp luật của các nước nói chung, đối với hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp nói riêng ngày càng lớn, nên mỗi quốc gia đều đã và đang có chiến lược cải cách tư pháp tương ứng với hoàn cảnh của mình.

---

(\*) Nghiên cứu viên, Viện Thông tin Khoa học xã hội

Với Việt Nam, những vấn đề đặt ra đối với cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay là: cải cách tư pháp phải vì mục tiêu thúc đẩy khả năng tiếp cận công lý của nhân dân; cải cách tư pháp vì sự phát triển của nền kinh tế thị trường, thương mại toàn cầu và hội nhập quốc tế; cải cách phải bảo đảm sự độc lập của hoạt động tư pháp. Các lĩnh vực cải cách cần quan tâm gồm có: cải cách tòa án, cải cách kiểm sát, thực trạng tòa án hiến pháp, chế độ giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, vai trò và chức năng của luật sư, cải cách đào tạo luật học.

### 1. Về cải cách tòa án

Ở Hàn Quốc, mục tiêu cao nhất là nỗ lực để tòa án trở thành *cơ quan tư pháp vì nhân dân, bảo hộ giá trị và nhân phẩm của con người với các phán xử thích đáng và công bằng*. Những nỗ lực cải cách tòa án gần đây bao gồm: sửa đổi cơ cấu và chức năng của tòa án tối cao; cải tiến phương thức bổ nhiệm thẩm phán và hệ thống hoá ngành luật; tuyển chọn và đào tạo thẩm phán; du nhập chế độ tham thẩm của người dân; thực hiện trình tự xem xét pháp lý lấy tranh tụng công khai làm trọng tâm; mở rộng chế độ biện hộ chỉ định; xác lập đạo đức người làm luật; thành lập Hội đồng mức án và áp dụng chế độ tiêu chuẩn mức án theo từng loại tội phạm.

Đối với Việt Nam, tòa án nhân dân có vị trí trung tâm trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Với từng giai đoạn lịch sử của đất nước, hệ thống tòa án được tổ chức theo các mô hình khác nhau nhưng có một điểm chung là tòa án luôn là nơi biểu hiện tập trung của quyền tư pháp, nơi mà kết quả của các hoạt động điều tra, công tố, bào chữa, giám định tư pháp được kiểm tra, xét xử, đánh giá một cách công khai thông qua thủ tục tố tụng để đưa ra những phán quyết cuối cùng mang tính quyền lực nhà

nước, nơi thể hiện chất lượng hoạt động và uy tín của các cơ quan tư pháp trong tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa, phản ánh một cách đầy đủ và sâu sắc nhất bản chất của nền công lý của nhà nước Việt Nam. Cải cách toà án theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” được định hướng là:

- Hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, thủ tục tố tụng dân sự;

- Mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các vụ kiện hành chính;

- Từng bước thực hiện công khai hoá các bản án;

- Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân, tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử, đổi mới tổ chức tòa án nhân dân tối cao, xác định hợp lý phạm vi thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự;

- Đổi mới thủ tục xét xử tại tòa.

Nhìn chung, những nỗ lực cải cách tòa án ở Việt Nam và Hàn Quốc đều nhằm xác lập chủ quyền của nhân dân trong tư pháp, đem lại lợi ích cho nhân dân và đảm bảo tính độc lập của tòa án.

### 2. Lĩnh vực cải cách kiểm sát

Một điểm chung của lĩnh vực kiểm sát ở Việt Nam và Hàn Quốc là hoạt động kiểm sát liên quan đến tự do thân thể của con người nên cần có quy định chặt chẽ để đảm bảo nhân quyền. Giai đoạn trước năm 2000, làn sóng phê phán và chỉ trích chĩa vào viện công tố của Hàn Quốc vô cùng mạnh mẽ. Đó là vì công tố không tôn trọng nhân quyền, chỉ chú ý tới thành tích điều tra nên dễ dẫn đến xu hướng phiến diện, xử lý không thoả đáng. Vì vậy, phương hướng cải cách kiểm sát giai đoạn 2000 - 2005 là nhằm tăng cường tính trung lập, tính độc

lập trong điều tra theo pháp luật, xoá bỏ ý thức và thông lệ mang tính quyền uy, hướng tới mục tiêu kiểm sát hướng tới nhân dân. Và nội dung cải cách cụ thể gồm:

- Thi hành chế độ giám sát viên nhân dân, thanh tra nhân dân nhằm tăng cường sự tham gia của người dân đối với việc thi hành quyền giám sát;

- Chỉ định nhân viên chuyên trách việc tiếp dân góp phần giảm thiểu sự lạm dụng kiện cáo;

- Thi hành chế độ đăng ký cấp giấy tờ qua internet làm giảm hẳn thời gian chờ đợi của người dân;

- Đảm bảo quyền nêu ra ý kiến của công tố viên cấp dưới nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch trong điều tra và tính độc lập của công tố viên;

- Thi hành chế độ hội thẩm định kháng cáo để kiểm chế quyền độc quyền công tố của viện công tố;

- Nâng cao độ tin cậy và tính công bằng trong các quyết định và điều tra vụ việc;

- Thi hành chế độ chuyên trách chỉ huy điều tra đối với công tố viên trưởng góp phần nâng cao tính hợp lý và nhanh chóng trong xử lý vụ việc;

- Thi hành chế độ luật sư tham gia ngay từ khi thẩm vấn người bị tình nghi nhằm đảm bảo nhân quyền cho người bị tình nghi;

- Cho phép tham khảo, sao chụp tài liệu ngay sau khi truy tố để tăng cường quyền lợi chính đáng của bị cáo;

- Khoa học hoá công tác điều tra và tối đa hoá hiệu quả công việc.

Khác với Hàn Quốc, Việt Nam không áp dụng cơ chế độc quyền truy tố đối với cơ quan kiểm sát mà áp dụng cơ chế truy tố

theo pháp luật. Điều này phần nào hạn chế được sự lạm quyền của kiểm sát viên. Nếu như ở Hàn Quốc công tố viên có quyền không truy tố mặc dù có đủ cấu thành tội phạm thì ở Việt Nam, viện kiểm sát bắt buộc phải truy tố và Việt Nam cũng có cơ chế để giám sát hoạt động này. Đây cũng là một yếu tố đảm bảo sự trung lập của viện kiểm sát.

Về chức năng, theo Hiến pháp năm 1992, viện kiểm sát có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hiện quyền công tố. Thực tế cho thấy hai chức năng này quá rộng và vượt quá khả năng của viện kiểm sát, dễ dẫn đến những thiếu sót và lạm dụng quyền kiểm sát. Vì vậy, năm 2001, Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi và quy định viện kiểm sát thực hành quyền công tố và chỉ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong ngành tư pháp. Việc thu hẹp phạm vi hoạt động của công tác kiểm sát được đánh giá cao vì quy định như vậy là phù hợp với khả năng của viện kiểm sát. Hoạt động của viện kiểm sát được giảm tải đáng kể nên chất lượng của hoạt động công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp được nâng cao rõ rệt. Đồng thời, việc giảm chức năng kiểm sát chung của viện kiểm sát còn tạo sự thông thoáng cho hoạt động của các cơ quan, tổ chức và hạn chế điều kiện phát sinh tiêu cực.

Trong giai đoạn thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, viện kiểm sát được kiến nghị cải cách theo hướng cải tổ cơ quan này thành cơ quan công tố (Viện công tố). Chức năng giám sát hoạt động tư pháp nên giao cho cơ quan khác và tổ chức sao cho tăng cường tính dân chủ của hoạt động này, vì giám sát trước hết là chức năng, thẩm quyền của người chủ quyền lực nhà nước là nhân dân.

### 3. Toà án hiến pháp

Hiện tại Việt Nam chưa có quy trình tài phán hiến pháp. Khi không có tài phán hiến pháp thì hiến pháp sẽ khó khăn hơn khi đi vào cuộc sống. Hơn nữa, tài phán hiến pháp là một đòi hỏi tất yếu của pháp quyền. Để xây dựng nhà nước pháp quyền, sẽ đến lúc chúng ta không thể bỏ qua vấn đề kiểm sát tư pháp tính hợp hiến trong hành vi của lập pháp và hành pháp bằng cách thiết lập tài phán hiến pháp.

Hiện nay, trên thế giới tồn tại hai mô hình tài phán hiến pháp: mô hình phi tập trung hoá và mô hình tập trung hoá. Mô hình bảo hiến của Mỹ là điển hình cho mô hình phi tập trung hoá. Không có một toà án đặc biệt nào có độc quyền tư pháp để kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật mà tất cả các toà án, từ toà án tiểu bang đến toà án liên bang đều có quyền kiểm tra tính hợp hiến của luật. Mô hình tập trung hoá được sử dụng nhiều ở châu Âu mà điển hình là Đức. Ở Đức, toà án thường không có quyền tư pháp để xem xét lại những đạo luật mà chỉ có toà án hiến pháp được độc quyền kiểm tra. Hơn nữa, toà án hiến pháp còn có thể đưa ra những chỉ dẫn đặc biệt và trực tiếp về việc một đạo luật bất hợp hiến phải được soạn thảo lại như thế nào theo trình tự hợp hiến. Toà án hiến pháp liên bang được coi là người bảo vệ Hiến pháp, là cơ quan giám sát việc thực thi luật cơ bản. Tuy nhiên, toà án hiến pháp chỉ vào cuộc khi có yêu cầu: khiếu nại hiến pháp, kiểm tra quy phạm cụ thể, kiểm tra quy phạm trừu tượng. Sau khi xem xét yêu cầu, toà án hiến pháp đưa ra phán quyết đối với các quy định pháp luật bị khiếu nại và phán quyết này có hiệu lực như một đạo luật.

Hàn Quốc du nhập gần như hoàn toàn mô hình tài phán hiến pháp của Đức và từ tháng 9 năm 1988 đến tháng 7 năm 2005, toà án hiến pháp của Hàn Quốc đã ra phán quyết hơn 200 vụ luật pháp vi phạm hiến

pháp. Đây là một thành quả cho thấy toà án hiến pháp đang thực hiện thành công nhiệm vụ của mình.

Đối với cơ quan tài phán hiến pháp trong tương lai ở Việt Nam, về tên gọi hiến pháp có hai quan điểm khác nhau: gọi là Toà án hiến pháp và Hội đồng bảo hiến. Nhưng về chức năng thì các quan điểm tương đối thống nhất, để thực hiện chức năng bảo hiến, toà án hiến pháp có thể kiểm tra tính hợp hiến của một văn bản pháp luật đã được thông qua trước khi được Chủ tịch nước công bố. Nếu văn bản được xác định là bất hợp hiến thì Chủ tịch nước có thể gửi lại cho Quốc hội chỉnh sửa. Đối với văn bản quy phạm pháp luật đã được thông qua, có thể giải quyết theo quan điểm học tập kinh nghiệm của các nước như sau:

Thứ nhất, trước khi đưa ra phán quyết, toà án dành một cơ hội cho cơ quan có thẩm quyền tự huỷ bỏ hoặc sửa đổi sao cho phù hợp.

Thứ hai, nếu văn bản đó vẫn không được sửa thì trong vòng sáu tháng kể từ ngày toà án hiến pháp ra phán quyết văn bản pháp luật đó sẽ bị chấm dứt hiệu lực pháp lý.

Ngoài ra, đối với những vụ việc cụ thể công dân yêu cầu kiểm tra tính hợp hiến của văn bản pháp luật liên quan, thì toà án phải tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án và chuyển cho toà án hiến pháp kiểm tra tính hợp hiến của văn bản pháp luật. Nếu văn bản đó được xác định là vi hiến thì toà án phải từ chối áp dụng.

### 4. Chế độ giải quyết tranh chấp ngoài toà án

Đây là phương thức giải quyết tranh chấp đang được các nước khuyến khích sử dụng nhằm giảm bớt gánh nặng trong xét xử cho toà án. Phương thức này gồm: thương lượng, hoà giải và trọng tài. Ưu điểm chung của chế độ giải quyết tranh chấp ngoài toà án là chi phí rẻ, nhanh

chóng, thủ tục đơn giản và tính linh động. Tuy nhiên, một nhược điểm của phương thức này là không có bộ máy cưỡng chế nhà nước đứng sau để buộc các bên thi hành quyết định mà các bên tự nguyện thi hành. Ngoài ra, khi vận dụng phương thức này trong trường hợp có sự mất cân bằng trong vị thế của các đương sự, phương thức này có thể bị áp dụng theo hướng xấu (bắt người yếu thế phải làm theo các yêu cầu của người có thế mạnh). Vì lý do đó, tỷ lệ các tranh chấp được giải quyết theo phương thức ngoài toà án thường là rất thấp. Sự thành công hay thất bại của phương thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án phụ thuộc vào sự hoàn thiện của chính phương thức này và phụ thuộc vào chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của người thực hiện. Vì thế, khi tiến hành các quy trình, những uỷ viên thương lượng cũng như trọng tài viên phải duy trì tính trung lập và tìm ra phương án có thể giúp đỡ người yếu thế. Ngoài ra cần tuyên truyền để người dân thay đổi ý thức cho rằng chỉ toà án mới có thể giải quyết tranh chấp được.

### 5. Vai trò và chức năng của luật sư

Xu hướng hiện nay trong cải cách tư pháp ở cả Việt Nam và Hàn Quốc là nâng cao vai trò và vị trí của luật sư trong hoạt động tố tụng. Để thực hiện Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị, cần thiết phải có những giải pháp nhằm nâng cao vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự nói chung và trong các phiên toà xét xử nói riêng, đồng thời phải nâng cao hiệu quả của quá trình tranh tụng tại phiên toà, bảo đảm các quyết định và bản án của toà án là chính xác, khách quan. Tuy nhiên, để thực sự có tranh tụng tại phiên toà, cần xoá bỏ hoàn toàn cơ chế *thỉnh thị án*, *cơ chế án bỏ túi* đã tồn tại rất lâu ở nước ta. Nguyên tắc *khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật* cần được tôn

trọng và tuân thủ triệt để. Các ý kiến của luật sư cần được đánh giá như các ý kiến của kiểm sát viên và chúng phải được chấp nhận khi có căn cứ.

Ở Hàn Quốc, sự phát triển của chủ nghĩa pháp trị và của nền kinh tế thị trường là những động lực chủ yếu tạo nên sự thay đổi của chế độ luật sư. Hiện nay, chế độ luật sư đã có tính phổ biến tương đối rộng, mang tính chất công ích, tính độc lập và tính kinh doanh cạnh tranh. Những cải cách chế độ luật sư đã tạo những điều kiện thuận lợi cho các luật sư hoạt động. Nhà nước hiện đóng vai trò tạo ra nền tảng về mặt chế độ cho thị trường pháp luật (như đào tạo và giám sát) còn các tổ chức luật sư đảm nhiệm chức năng đứng giữa, tạo ra luật chơi lành mạnh một cách tự nguyện, bài trừ những luật sư vượt ra ngoài vòng luật đó. Vấn đề là các luật sư cần nỗ lực hết mình để có thể thực hiện được sứ mệnh “nhà điều đình tranh chấp pháp luật, người bảo vệ nhân quyền ủng hộ lợi ích của người yếu thế và thiếu số”.

### 6. Chế độ đào tạo luật học

Giữa Việt Nam và Hàn Quốc có sự khác nhau trong cách thức tổ chức thi và đào tạo. Ở Hàn Quốc, nếu muốn trở thành chuyên gia pháp luật thì phải trúng tuyển kỳ thi tư pháp và phải tốt nghiệp khoá đào tạo nghề luật ở Học viện Tư pháp. Về bản chất kỳ thi tư pháp là kỳ thi chủ yếu tuyển chọn thẩm phán và kiểm sát viên. Đào tạo luật ở đại học chủ yếu tập trung vào các môn thi tư pháp mà không chú trọng tới mục tiêu đào tạo luật học cơ bản. Vì vậy, giữa đào tạo luật học và đào tạo luật gia bị mất mối liên kết. Hiện nay, phương án giải quyết các vấn đề tồn tại của hệ thống đào tạo chuyên gia luật hết sức đa dạng. Quan điểm thứ nhất muốn du nhập trường cao học luật và thời gian học là 3 năm. Quan điểm thứ hai phản đối trường cao học luật và huỷ bỏ chế độ tuyển theo chỉ tiêu của kỳ

thi tư pháp. Quan điểm thứ ba lại muốn duy trì chế độ tuyển theo chỉ tiêu. Song điểm chung của các ý kiến trên là tăng số lượng lớn chỉ tiêu tuyển chọn và chuyển đổi kỳ thi tư pháp thành kỳ thi chứng chỉ chuyên gia pháp luật. Hiện nay, các ý kiến vẫn đang tiếp tục được tranh luận và chưa đến hồi ngã ngũ.

Còn ở Việt Nam, hệ thống đào tạo đại học luật và nghề luật rõ ràng hơn. Hiện nay, ở Việt Nam có 9 cơ sở đào tạo luật học với ba cấp học: cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Việc đào tạo nghề luật được thực hiện tại Học viện Tư pháp (trực thuộc Bộ Tư pháp) đối với sinh viên đã tốt nghiệp đại học luật. Học viện đào tạo tất cả các chức danh tư pháp: luật sư, thẩm phán, công chứng viên, kiểm sát viên, giám định viên tư pháp v.v... Vấn đề cần cải cách trong đào tạo luật học ở Việt Nam là về nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy. Nội dung cần tinh gọn hơn, giảm số lượng học trình của khoá học, tăng khối lượng các học phần tự chọn. Phương pháp giảng dạy cần đổi mới theo hướng lấy sinh viên làm trung tâm, tăng cường sử dụng hợp lý công nghệ mới về thông tin và truyền thông. Chú trọng sử dụng các phương pháp tình huống, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề. Phương pháp song giảng: giảng bằng phiếu kỹ thuật và giải quyết tình huống (một giảng viên lý thuyết và một giảng viên thực hành cùng giảng) cũng cần được sử dụng nhiều hơn ở cả bậc đại học và ở Học viện Tư pháp. Ngoài ra cần có sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Tóm lại, cải cách tư pháp là một cuộc cải cách lớn, sâu rộng, liên quan đến nhiều mặt của xã hội và nhiều thiết chế chính trị khác. Cũng như các cuộc cải cách bộ máy nhà nước, nó đòi hỏi một sự cải cách rộng hơn nó, đồng bộ và tương thích với nó. Để chiến lược cải cách đạt được những mục tiêu đã định và thu được hiệu quả cao nhất,

cần có sự quan tâm nghiên cứu, đóng góp ý kiến của các học giả trong nước và ngoài nước cũng như toàn thể nhân dân. Có vậy, từ nội dung của chiến lược cải cách đến việc thực thi trên thực tế mới có nhiều khả năng thành công.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ điển bách khoa Việt Nam (tập 4). Nxb. Từ điển bách khoa, H.: 2005.
2. Choi Sang Cheol. Cải cách viện công tố. Hội thảo “Cải cách tư pháp vì sự phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”. H.: 2005.
3. Nguyễn Mạnh Kháng. Cải cách viện kiểm sát ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Hội thảo “Cải cách tư pháp vì sự phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”. H.: 2005.
4. Bùi Ngọc Sơn. Tài phán hiến pháp trong tương lai cải cách tư pháp ở Việt Nam. Hội thảo “Cải cách tư pháp vì sự phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”. H.: 2005.
5. Reiner Frank. Kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật thông qua toà án hiến pháp ở Cộng hoà liên bang Đức. Hội thảo “Cải cách tư pháp vì sự phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”. H.: 2005.
6. Seoul Lee Woo Sung. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường và vai trò của luật sư. Hội thảo “Cải cách tư pháp vì sự phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”. H.: 2005.